

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC – HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)*

Hà Nội, năm 2020

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC

NGÀNH NGÔN NGỮ ANH

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo	
+ Tiếng Việt:	Ngôn Ngữ Anh
+ Tiếng Anh:	English Studies
- Trình độ đào tạo:	Đại học
- Thời gian đào tạo:	04 năm
- Loại hình đào tạo:	Chính quy
- Mã số:	7220201
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp	
+ Tiếng Việt:	Cử nhân Ngôn ngữ Anh
+ Tiếng Anh:	Bachelor of Arts English studies

1.2. Mục tiêu đào tạo

1.2.1. Mục tiêu chung

Chương trình giáo dục đại học hệ Vừa làm vừa học ngành Ngôn ngữ Anh đào tạo ra những cử nhân có chất lượng tốt, có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh tối thiểu bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (tương đương trình độ 5 theo Khung năng lực ngôn ngữ chung Châu Âu), có kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ văn hóa các nước nói tiếng Anh, có kiến thức và các kỹ năng cần thiết để công tác trong các lĩnh vực như biên-phiên dịch, quản trị văn phòng, giảng dạy và nghiên cứu ngôn ngữ, biên dịch các sản phẩm báo chí và tham gia các hoạt động báo chí - truyền thông, có thể đảm đương các công việc đối ngoại và hợp tác quốc tế, nghiên cứu khoa học phù hợp tại các Bộ, Ban, Ngành trung ương, địa phương, các tổ chức xã hội và các doanh nghiệp.

Người học cũng có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập, có đủ khả năng dự tuyển để học các bậc học sau đại học cùng chuyên ngành, ngành, nhóm ngành, tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể

❖ Về kiến thức

- **Kiến thức chung:**

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, cử nhân Ngôn ngữ Anh có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khoẻ tốt để có thể làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Anh, đáp ứng được yêu cầu của xã hội và của nền kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế.

Hoàn thành chương trình đào tạo, sinh viên có thể nắm bắt và áp dụng được những khái niệm cơ bản trong Ngữ âm học và Âm vị học tiếng Anh, phát âm đúng tiếng Anh; nắm vững những vấn đề cơ bản của ngữ nghĩa học tiếng Anh và những kỹ năng phân tích ngữ nghĩa. Sinh viên cũng được trang bị những vấn đề cơ bản của Ngữ pháp tiếng Anh, Diễn ngôn tiếng Anh, vận dụng được những kiến thức về những vấn đề đó trong công việc chuyên môn. Sinh viên có thể vận dụng kiến thức khái quát về văn hóa, văn học, giao thoa văn hóa các nước nói tiếng Anh bao gồm các đặc điểm về lịch sử, con người, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị và giáo dục vào các kỹ năng thuyết trình, phân tích phê phán, làm việc nhóm, nghiên cứu liên ngành và kỹ năng tranh luận, nâng cao vốn từ vựng, các kỹ năng tiếng Anh.

- **Kiến thức cơ sở và chuyên môn:**

Sử dụng tiếng Anh thành thạo (tương đương trình độ C1, Khung tham chiếu Châu Âu, Bậc 5/6 của Khung năng lực ngoại ngữ của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc tương đương 6.5 IELTS quốc tế và các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tương đương khác như TOEIC, TOEFL iBT) ở cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, đặc biệt là các kỹ năng nghe, đọc, tổng hợp, phân tích, viết báo cáo, bình luận về các tin tức, sự kiện, công trình nghiên cứu về các vấn đề trong quan hệ quốc tế.

Nắm vững lý thuyết tiếng Anh về ngữ pháp, ngữ âm, âm vị học, ngữ dụng học, lý thuyết biên, phiên dịch Anh-Việt và Việt-Anh.

Có những kiến thức nền tảng về đất nước, con người, văn hóa, tôn giáo của các quốc gia nói tiếng Anh, đặc biệt là Anh, Mỹ và các quốc gia khác có vai trò và vị trí quan trọng trong quan hệ quốc tế.

Có khả năng làm phiên dịch (ở trình độ trung cấp) cho các cuộc tiếp xúc, hội thảo của cơ quan hoặc biên dịch các tài liệu về các vấn đề liên quan đến chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, truyền thông quốc tế và luật pháp quốc tế.

❖ **Về kỹ năng**

Sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường có kỹ năng sau:

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, sinh viên có *kỹ năng phân tích tổng hợp, sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng cơ bản*: có thể vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành được đào tạo trong những bối cảnh khác nhau; có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực được đào tạo. Sinh viên có khả năng quản lý thời gian, kỹ năng thích ứng, kỹ

năng học và tự học, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, đưa ra giải pháp, kiến nghị, kỹ năng phân tích, tổng hợp.

Tốt nghiệp chương trình đào tạo, sinh viên có *kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm*: có năng lực phát triển nghề nghiệp, biết tự đánh giá, tự rèn luyện nhằm nâng cao năng lực bản thân, chất lượng, hiệu quả công việc, biết phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp, có khả năng áp dụng những khái niệm lý thuyết và kỹ năng chuyên môn, sáng tạo vào các tình huống khác nhau.

Hoàn thành chương trình đào tạo, sinh viên có thể sử dụng tiếng Anh thành thạo với các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết), biên dịch, phiên dịch, có tư duy phê phán, kỹ năng phân tích, tổng hợp, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề để hoàn thành nhiệm vụ nghề nghiệp; có các năng lực và kỹ năng khác cần thiết để làm việc và phát triển trong môi trường hội nhập như *kỹ năng thuyết trình, giao tiếp hiệu quả*: thuyết phục, đàm phán, năng lực quản lý và năng lực tự học. Sinh viên có thể sử dụng tốt tiếng Anh ở trình độ bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; có thể vận dụng các kiến thức về Ngữ âm, Ngữ pháp và Từ vựng trong hoạt động thuộc định hướng đào tạo và nghiên cứu.

❖ Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Trung thực, trách nhiệm và đáng tin cậy; có lòng tự tôn dân tộc; say mê trong công việc, tích cực khám phá kiến thức, khám phá thực tiễn;
- Năng động, nhạy bén và sáng tạo trong các hoạt động chuyên môn, làm việc có kỷ luật và năng suất cao;
- Đảm bảo tính liêm chính, công bằng, vô tư, không phân biệt đối xử trong nhiệm vụ biên-phiên dịch, trung thành với văn bản (nói/viết) nguyên gốc, không thêm bớt, chỉnh sửa hay bóp méo nội dung thông tin và ý định giao tiếp của tác giả phát ngôn;
- Đảm bảo bí mật thông tin của khách hàng trong nhiệm vụ biên-phiên dịch; có thái độ đúng và hiểu tầm quan trọng của nhiệm vụ biên-phiên dịch; có tính kiên trì, say mê công việc, có hành vi chuyên nghiệp; thực hiện đầy đủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp;
- Có khả năng quản lý thời gian, có kỹ năng thích ứng, kỹ năng học và tự học, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, đưa ra giải pháp, kiến nghị, kỹ năng phân tích, tổng hợp;
- Ứng xử tốt thân thiện với đồng nghiệp, đoàn kết, hợp tác, cộng tác với đồng nghiệp, xây dựng tập thể sư phạm tốt để cùng thực hiện mục tiêu giáo dục và giảng dạy tiếng Anh;
- Có khả năng phối hợp với gia đình và cộng đồng trong hỗ trợ, giám sát việc học tập tiếng Anh, rèn luyện, hướng nghiệp của học sinh và góp phần huy động các nguồn lực trong cộng đồng phát triển nhà trường;

- Tích cực, tự giác trong việc thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực được đảm nhận; có thái độ hành nghề đúng đắn, nghiêm túc, đúng chuẩn mực pháp luật và đạo đức nghề nghiệp.
- Xác định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân, có tư cách, tác phong đúng đắn của người công dân; có chuẩn mực đạo đức trong các quan hệ xã hội, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng và đất nước; có lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với bản sắc dân tộc; có tác phong mẫu mực, làm việc khoa học.

II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Kiến thức

2.1.1. Kiến thức đại cương

Hiểu được các Nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh và những kiến thức trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chuyên ngành được đào tạo; hiểu được kiến thức cơ bản về ngoại ngữ, tin học đại cương, làm nền tảng để tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn.

2.1.2. Kiến thức chuyên ngành

❖ Kiến thức ngôn ngữ

Tích lũy được kiến thức nền tảng về ngành Ngôn ngữ Anh (ngữ âm, hình thái, ngữ pháp, cú pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng, để phục vụ công tác thực tiễn cũng như để học các chương trình sau đại học ở trong và ngoài nước;

Vận dụng được kiến thức nền tảng về ngành Ngôn ngữ Anh (ngữ âm, hình thái, ngữ pháp, cú pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng, văn hóa, văn học) để lý giải, phân tích các hiện tượng ngôn ngữ;

Vận dụng được kiến thức nền tảng về ngành Ngôn ngữ Anh (ngữ âm, hình thái, ngữ pháp, cú pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng, văn hóa, văn học) vào kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ một cách thuần thục tương đương cấp độ 5 theo khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam hoặc tương đương C1 theo khung CEFR.

❖ Kiến thức văn hóa xã hội

Chương trình đào tạo nhằm giúp người học

Tích lũy được kiến thức cơ bản về các vấn đề văn hóa xã hội (địa lý, văn hóa, lịch sử, văn học, nghệ thuật, chính trị, kinh tế, pháp luật, giáo dục, y tế, ...) của Vương quốc Anh và Hoa Kỳ, các nước trong khu vực Đông Nam Á;

Phân tích đối chiếu được kiến thức cơ bản về các vấn đề văn hóa xã hội (địa lý, văn hóa, lịch sử, văn học, nghệ thuật, chính trị, kinh tế, pháp luật, giáo dục, y tế, ...) của Vương quốc Anh và Hoa Kỳ, các nước Đông Nam Á với Việt Nam;

Vận dụng được kiến thức nền tảng về văn hóa xã hội của Vương quốc Anh và Hoa Kỳ, các nước Đông Nam Á vào các tình huống giao tiếp ngôn ngữ và để tránh được các sốc văn hóa.

❖ *Kiến thức chuyên ngành*

Tích lũy được kiến thức về các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến chuyên ngành tiếng Anh với tư cách là một ngoại ngữ và công cụ biên phiên dịch;

Sử dụng tiếng Anh thành thạo (tương đương trình độ C1, Khung tham chiếu Châu Âu, Bậc 5/6 của Khung năng lực ngoại ngữ của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc đạt tương đương 6.5 IELTS quốc tế trở lên và các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tương đương khác như TOEIC, TOEFL iBT) ở cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, đặc biệt là các kỹ năng nghe, đọc, tổng hợp, phân tích, viết báo cáo, bình luận về các tin tức, sự kiện, công trình nghiên cứu về các vấn đề trong quan hệ quốc tế.

Nắm vững lý thuyết tiếng Anh về ngữ pháp, ngữ âm, âm vị học, ngữ dụng học, lý thuyết biên, phiên dịch Anh-Việt và Việt-Anh.

Có những kiến thức nền tảng về đất nước, con người, văn hóa, tôn giáo của các quốc gia nói tiếng Anh, đặc biệt là Anh, Mỹ và các quốc gia khác có vai trò và vị trí quan trọng trong quan hệ quốc tế.

Có khả năng làm phiên dịch (ở trình độ trung cấp) cho các cuộc tiếp xúc, hội thảo của cơ quan hoặc biên dịch các tài liệu về các vấn đề liên quan đến quan hệ quốc tế, kinh tế quốc tế, truyền thông quốc tế và luật pháp quốc tế, các lĩnh vực hợp tác quốc tế, quản lý tài nguyên và môi trường.

2.1.3. Kiến thức thực tập và khóa luận tốt nghiệp

Thực hiện được các công việc sau: soạn thảo thành thạo các văn bản; biên dịch, phiên dịch trong các tổ chức kinh tế, cá nhân kinh doanh; Giải quyết được các vấn đề liên quan đến ngôn ngữ phát sinh trong thực tiễn; Phụ trách công tác hợp tác quốc tế hoặc là người biên, phiên dịch trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; các cơ quan nhà nước nói chung và các cơ quan thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường nói riêng. Đảm nhiệm công tác hợp tác quốc tế, xuất nhập khẩu, kinh doanh trong các doanh nghiệp, công tác quản lý hành chính với khác trong các cơ quan thuộc các cấp chính quyền địa phương.

2.1.4. Kiến thức ngoại ngữ

Chương trình đào tạo nhằm giúp người học đạt trình độ tiếng Anh bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc đạt chứng chỉ B1 theo khung tham chiếu Châu Âu và tương đương.

2.1.5. Kiến thức tin học

Chương trình đào tạo nhằm giúp người học đạt chứng chỉ Tin học văn phòng trình độ B:

- Đạt chuẩn Kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, quy định về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và tương đương do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch.

- Sử dụng được Internet và một số phần mềm chuyên ngành.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- Kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm;
- Kỹ năng giao tiếp hiệu quả;
- Kỹ năng thuyết trình hiệu quả;
- Kỹ năng biên phiên dịch;
- Kỹ năng đàm phán, tư duy phản biện, quản lý và lãnh đạo...;
- Kỹ năng phát hiện, tổng hợp, phân tích và giải quyết vấn đề, sự kiện liên quan đến chuyên ngành Ngôn ngữ và quan hệ quốc tế trong các lĩnh vực;
- Sử dụng thành thạo các phần mềm vi tính cơ bản như Windows, Power Point, Excel, ...
- Có khả năng áp dụng những kỹ năng này ở mức độ tương đối thuần thục trong các tình huống giao tiếp và chuyên môn công việc cụ thể.

2.2.2. Kỹ năng mềm

- Kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm: Có khả năng tự giải quyết các vấn đề nảy sinh trong công việc với tư duy logic, sáng tạo hoặc phối hợp với đồng nghiệp, hợp tác và hỗ trợ nhau để đạt đến mục tiêu đã đặt ra.
- Kỹ năng giao tiếp trình bày, truyền thông và sử dụng ngoại ngữ là tiếng anh.
- Kỹ năng tra cứu thông tin, nghiên cứu văn bản, tài liệu, sử dụng thành thạo các thiết bị văn phòng.
- Kỹ năng viết và trình bày rõ ràng một vấn đề, làm báo cáo một cách thuần thục
- Kỹ năng quản lý và lãnh đạo: Sáng tạo trong quản lý và tổ chức lãnh đạo trong quá trình học tập, nghiên cứu khoa học và thực tập tốt nghiệp....
- Kỹ năng tìm việc làm: Có khả năng tự tìm kiếm thông tin về việc làm, chuẩn bị hồ sơ xin việc và trả lời phỏng vấn nhà tuyển dụng.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ về ngành ngôn ngữ Anh;

- Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc đa dạng, khác nhau;
- Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về ngôn ngữ;
- Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực công tác thuộc ngành ngôn ngữ Anh; Biết cách giải quyết một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật trong lĩnh vực ngôn ngữ;
- Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ về các lĩnh vực thuộc ngành ngôn ngữ Anh.

III. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC ĐÀO TẠO TOÀN KHÓA

Khối lượng kiến thức toàn khóa: **133** tín chỉ

IV. ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHÍ TUYỂN SINH

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), bổ túc Trung học phổ thông, Trung học chuyên nghiệp, đạt điểm chuẩn tuyển sinh theo quy định của Nhà trường, theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Tiêu chí tuyển sinh: Theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo; của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội theo từng năm.

V. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Được thực hiện theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định hiện hành của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội;

VI. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN SAU KHI TỐT NGHIỆP

1. Công tác trong các doanh nghiệp trong nước có thông thương, hợp tác quốc tế, các doanh nghiệp, cơ quan trong lĩnh vực du lịch –khách sạn, các nhà máy có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
2. Đảm nhận được công việc tại các sở ban ngành, các cơ quan nhà nước và các tổ chức trong và ngoài nước liên quan đến việc sử dụng tiếng Anh.;
3. Đảm nhận được công việc tại các cơ quan nghiên cứu ngôn ngữ-văn hoá trong và ngoài nước sử dụng tiếng Anh;
4. Đảm nhận được công việc tại các tập đoàn, công ty, doanh nghiệp có liên quan công việc giao tiếp quốc tế, đối ngoại, phiên dịch hay biên dịch sử dụng tiếng Anh;
5. Giảng dạy tiếng Anh tại các trường trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp cao đẳng và đại học (nếu có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm)

VII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

7.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ (TC) phải tích lũy	133
Trong đó:	
- Khối kiến thức Giáo dục đại cương (<i>Không tính các môn học GDTC, GDQP-AN</i>)	31
+ <i>Bắt buộc:</i>	<i>(29)</i>
+ <i>Tự chọn:</i>	<i>(02)</i>
- Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	90
• Kiến thức cơ sở ngành	10
• Kiến thức ngành	80
+ <i>Bắt buộc:</i>	<i>(77)</i>
+ <i>Tự chọn:</i>	<i>(3)</i>
• Kiến thức thực tập và khóa luận tốt nghiệp	12

7.2. Chương trình đào tạo

Ký hiệu: - LT: Lý thuyết

- TL, TH, TT: Thảo luận, thực hành, thực tập

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương			31				
I.1	Lý luận chính trị			11				
1	Triết học Mác-Lenin	LCML2 101	Chương 1: Trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác -Lênin, và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2: Trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng.	3	30	15	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			Chương 3: Trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.					
2	Kinh tế Chính trị Mác-Lênin	LCML2 102	Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 6 chương: Chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lê nin Chương 2,3,4 trình bày các nội dung về hàng hóa, thị trường, giá trị thặng dư, cạnh tranh, độc quyền và sự vận động của các vấn đề đó trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay. Chương 5, 6 trình bày những nội dung về nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, các quan hệ lợi ích kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	2	20	10	60	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LCML2 103	Nội dung môn học gồm 7 chương, ngoài khái quát sự ra đời và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học, nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học bao gồm: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội	2	20	10	60	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa, cơ cấu xã hội giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.					
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LCTT2 104	Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; Về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Về văn hóa, đạo đức, con người.	2	21	09	60	
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LCLS2 105	Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc,	2	21	09	60	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng và việc vận dụng vào thực tiễn hiện nay.					
I.2	Khoa học xã hội			9/13				
	Bắt buộc			7				
6	Kỹ năng mềm	KTQU2 151	Học phần Kỹ năng mềm cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng như kỹ năng giao tiếp bằng cách sử dụng các phương tiện giao tiếp bằng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ để đạt hiệu quả cao. Các kỹ năng trong quá trình làm việc nhóm như kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng tư duy, kỹ năng giải quyết các xung đột... . Đồng thời học phần này còn trang bị cho sinh viên cách thức kỹ năng trong quá trình tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp ra trường.	2	18	12	60	
7	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	NNTA2 104	Ngoài chương mở đầu nhằm giới thiệu khái lược về nghiên cứu khoa học và một số vấn đề chung của môn học. Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc	3	25	20	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			<p>thành 7 chương bao quát như sau:</p> <p>Chương 1: Đại cương về nghiên cứu khoa học</p> <p>Chương 2: Vấn đề khoa học</p> <p>Chương 3: Giả thuyết khoa học</p> <p>Chương 4: Cơ sở lý luận của đề tài</p> <p>Chương 5: Phương pháp thu thập thông tin</p> <p>Chương 6: Các hình thức công bố kết quả nghiên cứu</p> <p>Chương 7: Luận văn khoa học</p> <p>Chương 8: Trình bày và thuyết trình luận văn khoa học</p>					
8	Kỹ năng phiên dịch	NNTA2 105	<p>Học phần Kỹ năng phiên dịch giúp cho người học nhận thức được tầm quan trọng của của việc rèn luyện và hình thành được các kỹ năng thiết yếu của công việc phiên dịch, đồng thời cung cấp cho người học các kiến thức cần thiết và rèn luyện các kỹ năng cần thiết của công việc phiên dịch.</p> <p>Giới thiệu về các hình thức phiên dịch phổ biến là phiên dịch hội nghị, phiên dịch cabin, phiên dịch tháp tùng và phiên dịch đuôi. Học phần sẽ cung cấp cho người học những hiểu biết tổng thể về công việc phiên dịch nói chung và từng loại hình phiên</p>	2	16	14	60	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			dịch nói riêng. Bên cạnh đó, học phần cũng sẽ đi sâu vào từng kỹ năng cụ thể đối với nghề phiên dịch để giúp người học có được những hiểu biết và những rèn luyện bước đầu.					
	<i>Tự chọn</i>			2/6				
9	Phương pháp thuyết trình	NNTA2 201	Môn học nhằm đáp ứng nhu cầu học tập, giảng dạy và giao tiếp của sinh viên trong chuyên môn và trong công tác mà mình đảm nhận. Môn học gồm 6 chương học (units) giúp sinh viên phát triển và rèn luyện kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh, cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> - Các bước tiến hành một bài thuyết trình; - Các kỹ thuật (techniques) trong thuyết trình; - Ngôn ngữ sử dụng trong thuyết trình; - Sử dụng ngôn ngữ hình thể (body language) khi thuyết trình; - Cách đặt và trả lời các câu hỏi thảo luận. 	2	6	24	60	
10	Kỹ năng trả lời phỏng vấn tiếng Anh	NNTA2 202	Môn học Kỹ năng trả lời phỏng vấn cung cấp cho người học những kiến thức, thủ thuật và kỹ năng giao tiếp. Các nội dung chính trong môn học bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> - How to get the first impression 	2	10	20	60	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			<ul style="list-style-type: none"> - How to deal with difficult questions - Some pointers on body language and interview techniques - Fillers and unprepared questions - Making role plays 					
11	Kỹ năng tư duy phản biện	NNTA2 203	<p>Tư duy phản biện là đặc điểm của tư duy bậc cao, nó là điều kiện cần thiết cho sự thành công của bất kỳ người lao động làm việc trong bất kỳ ngành nghề nào, cấp độ nào.</p> <p>Môn học này sẽ thảo luận về những khái niệm, những quy tắc nên tảng, những nguyên lý, những quy luật và cách thức vận hành của tư duy nói chung, trên cơ sở đó, môn học nhằm tập trung ứng dụng các nguyên lý này vào việc suy nghĩ, quyết định, giải quyết vấn đề một cách chính xác, chủ động, sáng tạo và hiệu quả.</p> <p>Bên cạnh đó, môn học sẽ phát triển những kỹ năng tư duy phản biện thông qua thảo luận và thực hành những phương pháp, những công cụ tư duy hữu ích cho sự phát triển năng lực trí tuệ của cá nhân và cộng đồng.</p>	2	16	14	60	
I.3	Ngoại ngữ			9				

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
12	Tiếng Pháp 1	NNTP 2101	<p>Học phần tiếng Pháp 1 cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp tiếng Pháp theo trình tự từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp.</p> <p>Học phần gồm 14 nội dung chính được sắp xếp theo thứ tự tương ứng của các bài học từ bài 4 đến bài 9 trong giáo trình « <i>Campus</i> » - Jacky Girardet, Jacques Pécheur, CLE international. Mỗi bài học gồm 6 phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ vựng: Người học được cung cấp một hệ thống từ vựng xoay quanh một chủ đề. Người học biết sử dụng vốn từ đã học để giao tiếp trong các tình huống giao tiếp. - Ngữ pháp: Người học được cung cấp một hệ thống ngữ pháp tiếng Pháp. Trong phần này người học nắm được các hiện tượng ngữ pháp, các cấu trúc câu cơ bản để sử dụng phù hợp trong các tình huống của bài học. - Bài nghe hiểu và đọc hiểu: Được thiết kế bằng các bài báo, truyện tranh, các bài hội thoại diễn đạt các tình huống giao tiếp hàng ngày như: Giới thiệu, miêu tả, kể chuyện, giao tiếp nơi công cộng, 	3	8	37	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			<p>trao đổi thư từ cá nhân, tìm hiểu và cung cấp thông tin, tìm việc, xin việc, thể hiện cảm xúc, đưa ra ý kiến của mình về một số vấn đề ... Thông qua các bài nghe và đọc, người học củng cố, tổng hợp vốn từ vựng, kiến thức ngữ pháp và thực hành 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ...</p> <p>- Ngữ âm: Chủ yếu là các bài tập nghe và luyện phát âm từ đơn giản đến phức tạp. Đây là phần giúp người học được thường xuyên tập luyện và thực hành phát âm từng âm tiết cho đến từng từ, cụm từ và câu.</p> <p>- Văn hoá văn minh: Các kiến thức văn hoá văn minh được lồng ghép trong các bài nghe, đọc hoặc được trực tiếp thiết kế là một bài học trong mỗi unité. Trang bị cho người học những hiểu biết về đất nước, con người và nền văn hoá văn minh giàu bản sắc và lâu đời của nước Pháp với những thông tin thú vị về mọi mặt đời sống : một ngày ở Paris bắt đầu và kết thúc thế nào, Tour de France... Ngay cả những hành vi và cách ứng xử lịch sử, văn minh cũng được nhắc đến trong phần này</p> <p>- Các bài tập: Hệ thống các bài</p>					

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			<p>tập củng cố từ vựng, ngữ pháp ; bài tập đọc hiểu, bài tập nghe hiểu và các bài tập viết theo chủ đề của từng bài học.</p> <p>Nội dung của học phần tiếng Pháp 1 giúp người học rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết bằng tiếng Pháp, có khả năng tự học, tự nghiên cứu, khả năng tham gia các hoạt động nhóm, làm các bài tập bắt buộc, mở rộng... thông qua đó giúp giảng viên đánh giá thường xuyên quá trình tự học của sinh viên.</p>					
13	Tiếng Pháp 2	NNTP 2102	<p>Học phần tiếng Pháp 2 cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp tiếng Pháp theo trình tự từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp.</p> <p>Học phần gồm 14 nội dung chính được sắp xếp theo thứ tự tương ứng của các bài học (từ bài 10 đến bài 12) trong giáo trình «<i>Campus 1</i>» - Jacky Girardet, Jacques Pécheur, CLE international. Mỗi bài học gồm 6 phần :</p> <p>- Từ vựng: Người học được cung cấp một hệ thống từ vựng xoay quanh một chủ đề. Người học biết sử dụng vốn từ đã học để giao tiếp trong các tình huống</p>	3	8	37	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			<p>giao tiếp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngữ pháp: Người học được cung cấp một hệ thống ngữ pháp tiếng Pháp. Trong phần này người học nắm được các hiện tượng ngữ pháp, các cấu trúc câu cơ bản để sử dụng phù hợp trong các tình huống của bài học. - Bài nghe hiểu và đọc hiểu : Được thiết kế bằng các bài báo , truyện tranh , các bài hội thoại diễn đạt các tình huống giao tiếp hàng ngày như: Giới thiệu, miêu tả, kể chuyện, giao tiếp nơi công cộng, trao đổi thư từ cá nhân, tìm hiểu và cung cấp thông tin, tìm việc, xin việc , thể hiện cảm xúc, đưa ra ý kiến của mình về một số vấn đề... Thông qua các bài nghe và đọc, người học củng cố, tổng hợp vốn từ vựng, kiến thức ngữ pháp và thực hành 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ... - Ngữ âm: Chủ yếu là các bài tập nghe và luyện phát âm từ đơn giản đến phức tạp. Đây là phần giúp người học được thường xuyên tập luyện và thực hành phát âm từng âm tiết cho đến từng từ, cụm từ và câu. - Văn hoá văn minh: Các kiến thức văn hoá văn minh được lồng ghép trong các bài nghe, đọc 					

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			<p>hoặc được trực tiếp thiết kế là một bài học trong mỗi unité. Trang bị cho người học những hiểu biết về đất nước, con người và nền văn hoá văn minh giàu bản sắc và lâu đời của nước Pháp với những thông tin thú vị về mọi mặt đời sống : một ngày ở Paris bắt đầu và kết thúc thế nào, Tour de France... Ngay cả những hành vi và cách ứng xử lịch sử, văn minh cũng được nhắc đến trong phần này</p> <p>- Các bài tập: Hệ thống các bài tập củng cố từ vựng, ngữ pháp; bài tập đọc hiểu, bài tập nghe hiểu và các bài tập viết theo chủ đề của từng bài học.</p> <p>Nội dung của học phần tiếng Pháp 2 giúp người học rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết bằng tiếng Pháp, có khả năng tự học, tự nghiên cứu, khả năng tham gia các hoạt động nhóm, làm các bài tập bắt buộc, mở rộng,... thông qua đó giúp giảng viên đánh giá thường xuyên quá trình tự học của sinh viên.</p>					
14	Tiếng Pháp 3	NNTP 2103	Học phần tiếng Pháp 3 cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp tiếng Pháp theo trình tự từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức	3	21	24	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			<p>tạp.</p> <p>Học phần gồm 14 nội dung chính được sắp xếp theo thứ tự tương ứng của các bài học (từ bài 1 đến bài 3) trong giáo trình «<i>Campus 2</i>» - Jacky Girardet, Jacques Pécheur, CLE international. Mỗi bài học gồm 6 phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ vựng: Người học được cung cấp một hệ thống từ vựng bao gồm khoảng 800 từ thuộc từ thông dụng xoay quanh một chủ đề. Người học biết sử dụng vốn từ đã học để giao tiếp trong các tình huống giao tiếp. - Ngữ pháp: Người học được cung cấp một hệ thống ngữ pháp tiếng Pháp. Trong phần này người học nắm được các hiện tượng ngữ pháp, các cấu trúc câu cơ bản để sử dụng phù hợp trong các tình huống của bài học. Đặc biệt là bốn thì chính của thức trực thái, các hạn định từ, các đại từ, các cấu trúc câu hỏi câu khẳng định, câu phủ định, cấu trúc so sánh và liên hệ. - Bài nghe hiểu và đọc hiểu: Được thiết kế bằng các bài báo, truyện tranh, các bài hội thoại diễn đạt các tình huống giao tiếp hàng ngày như: Giới thiệu, miêu tả, kể chuyện, giao tiếp nơi công cộng, 					

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			<p>trao đổi thư từ cá nhân, tìm hiểu và cung cấp thông tin, tìm việc, xin việc, thể hiện cảm xúc, đưa ra ý kiến của mình về một số vấn đề như gặp gỡ, giải trí, lễ hội, thông tin, mua bán, thực phẩm, doanh nghiệp và việc làm, gia đình, sức khỏe, khí hậu, du lịch,... Thông qua các bài nghe và đọc, người học củng cố, tổng hợp vốn từ vựng, kiến thức ngữ pháp và thực hành 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ...</p> <p>- Ngữ âm: Chủ yếu là các bài tập nghe và luyện phát âm từ đơn giản đến phức tạp. Đây là phần giúp người học được thường xuyên tập luyện và thực hành phát âm từng âm tiết cho đến từng từ, cụm từ và câu.</p> <p>- Văn hoá văn minh: Các kiến thức văn hoá văn minh được lồng ghép trong các bài nghe, đọc hoặc được trực tiếp thiết kế là một bài học trong mỗi unité. Trang bị cho người học những hiểu biết về đất nước, con người và nền văn hoá văn minh giàu bản sắc và lâu đời của nước Pháp với những thông tin thú vị về mọi mặt đời sống: cà phê ở Paris, hành vi và mối quan hệ giữa thanh niên Pháp ngày nay, môi</p>					

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			<p>trường Pháp, sự kiện nổi bật của pháp và thế giới...</p> <p>- Các bài tập: Hệ thống các bài tập củng cố từ vựng, ngữ pháp; bài tập đọc hiểu, bài tập nghe hiểu và các bài tập viết theo chủ đề của từng bài học.</p> <p>Nội dung của học phần tiếng Pháp 3 giúp người học rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết bằng tiếng Pháp, có khả năng tự học, tự nghiên cứu, khả năng tham gia các hoạt động nhóm, làm các bài tập bắt buộc, mở rộng ... thông qua đó giúp giảng viên đánh giá thường xuyên quá trình tự học của sinh viên.</p>					
I.4	Khoa học tự nhiên – Tin học			2				
15	Tin học đại cương	CTKH2 151	<p>Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin, cấu trúc máy tính, mạng máy tính, biết sử dụng các phần mềm ứng dụng văn phòng. Nội dung chính gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm tin học, cấu trúc và hoạt động của hệ thống máy tính, mạng máy tính, Internet và tìm kiếm tài liệu học thuật trên Internet. - Một số hệ điều hành thông dụng và sử dụng hệ điều hành. - Các chương trình ứng dụng 	2	19	11	60	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			MS Word, Excel và Powerpoint.					
I.5	<i>Giáo dục thể chất</i>	GDTC	Bao gồm 5 học phần bắt buộc và phần tự chọn: - Phần bắt buộc (3 tín chỉ): Thể dục Điền kinh 1 và Điền kinh 2. - Phần tự chọn: Sinh viên chọn một trong các môn học sau: Bóng chuyền 1, Bóng chuyền 2; Cầu lông 1, Cầu lông 2; Bơi lội 1, Bơi lội 2; Bóng rổ 1, Bóng rổ 2.	5				
I.6	<i>Giáo dục quốc phòng - an ninh</i>	GDQP	Bao gồm 4 học phần: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam; Công tác quốc phòng và an ninh; Quân sự chung; Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật.	8				
II	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp							
II.1	Kiến thức cơ sở ngành			10				
	<i>Bắt buộc</i>			8				
16	Tiếng Việt thực hành	NNTA2 301	Môn học này có những nội dung chính sau: - Những hiểu biết cần thiết về lịch sử tiếng Việt, đặc điểm tiếng Việt; - Kiến thức và kỹ năng về sử dụng chính âm, chính tả; - Kiến thức và kỹ năng về dùng từ, đặt câu; - Kiến thức và kỹ năng về việc tạo lập và tiếp nhận văn bản;	3	18	27	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức và kỹ năng về viết tiểu luận, luận văn khoa học; - Kiến thức và kỹ năng về thuyết trình 					
17	Dẫn luận ngôn ngữ Anh	NNTA2 302	Dẫn luận ngôn ngữ Anh là môn học được giới thiệu vào học kỳ 5 hoặc 6, khi sinh viên đã có năng lực tiếng Anh cơ bản. Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ âm học, hình thái học, ngữ pháp học, và ngữ nghĩa học (từ vựng) một cách sơ bộ và hệ thống. Những kiến thức này giúp sinh viên sử dụng tiếng Anh được chính xác về mặt ngôn ngữ, từ phát âm đến sử dụng từ và cấu trúc câu.	2	20	10	60	
18	Ngôn ngữ học đối chiếu	NNTA2 303	Ngôn ngữ học đối chiếu có phạm vi bao quát một lúc nhiều ngôn ngữ, thông thường là từng cặp ngôn ngữ của hai dân tộc tương ứng. Nhiệm vụ khám phá của nó là tìm ra sự giống nhau và khác nhau của hai phạm vi thuộc hai ngôn ngữ được đưa vào nghiên cứu. Những nghiên cứu theo loại này mang tính chất xuyên ngữ và liên/xuyên văn hóa, nghĩa là việc nghiên cứu bao giờ cũng liên đới với hai ngôn ngữ, đồng thời hai nền văn hóa. Việc tiếp cận các sự kiện ngôn ngữ bao giờ cũng liên đới với các sự kiện văn hóa của	3	18	27	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			<p>ngôn ngữ tương ứng, liên đới chứ không đồng nhất, không lẫn lộn, ngay cả trường hợp ngôn ngữ được xem như một sự kiện văn hóa.</p> <p>Vốn bản thân sự tồn tại của ngôn ngữ ở dạng tĩnh (hệ thống cấu trúc) hay dạng động (hành vi ngôn ngữ trong hành chức, trong hoạt động) bao giờ cũng bị chế định bởi thuộc tính ngôn ngữ và văn hóa. Vì vậy, việc nghiên cứu phát hiện cái giống và cái khác phải từ các sự kiện ngôn ngữ mà xét rồi mới nói đến văn hóa như là hệ quả, nguyên nhân. Không nên sa đà vào hiện tượng không xác định để bình tán mà phải bám vào đặc điểm ngôn ngữ thuộc ngữ hệ, loại hình xác định để thấy rõ cấu tạo cũng như hoạt động của chúng.</p> <p>Việc nghiên cứu có tính xuyên ngữ, xuyên cấp độ nhưng bao giờ cũng phải bắt đầu từ cấp độ, phạm trù, bình diện, hành vi ngôn ngữ xác định để đối chiếu thì kết quả mới xác đáng và có giá trị lý luận, ứng dụng thiết thực.</p>					
	<i>Tự chọn</i>			2/4				
19	Cơ sở văn hóa	LTML2 208	Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm những kiến thức	2	21	09	60	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
	Việt Nam		<p>ơ bản về văn hóa và văn hóa Việt Nam, văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống tập thể, văn hóa tổ chức đời sống cá nhân, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và văn hóa ứng xử với môi trường xã hội</p>					
20	Văn hóa các nước ASEAN	NNTA2 401	<p>Chương trình được xây dựng cho sinh viên ngành Ngoại ngữ, chuyên ngành tiếng Anh du lịch. Được bố trí học vào học kỳ II sau khi sinh viên đã hoàn thành các môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và ngành khi sinh viên đã đạt trình độ ngoại ngữ B1 theo khung đánh giá năng lực ngoại ngữ chuẩn chung Châu Âu. Chương trình được dạy bằng tiếng Anh để vừa củng cố, phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Anh của sinh viên vừa bổ sung những kiến thức cơ sở về môn học cho sinh viên.</p> <p>Chương trình được biên soạn theo chủ điểm nhằm giới thiệu khái quát những nét chính về đất nước, con người và văn hóa của các nước ASEAN. Sinh viên sẽ làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm theo phương thức các bài tập tự xây dựng (project-based approach) . Mỗi nhóm làm một dự án, tự nghiên cứu, từng bước</p>	2	9	21	60	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			phát triển kiến thức, tạo kỹ năng và thái độ hợp tác trong nhiều thể loại như thảo luận, báo cáo, thuyết trình, nhận xét,... Sinh viên sẽ được đánh giá kết quả môn học dựa trên kết quả nghiên cứu và khả năng thể hiện kiến thức qua hình thức thuyết trình hoặc viết báo cáo.					
II.2	Kiến thức ngành			80				
<i>II.2.1</i>	<i>Bắt buộc</i>			<i>77</i>				
21	Đọc - Viết 1	NNTA2 501	Học phần Kỹ năng Đọc – Viết 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng cơ bản và các kỹ năng ngôn ngữ với những chủ điểm trong cuộc sống hàng ngày và môi trường xung quanh, như gia đình, công việc, địa điểm, du lịch, mua sắm, giải trí, thể thao, môi trường, học tập Unit 1: Shopping Unit 2: Food and drinks Unit 3: Animals Unit 4: Theme park fun Unit 5: Clothes Unit 6: Entertainment Unit 7: Travel Unit 8: Famous places and buildings Unit 9: Living for sport Unit 10: Books and studying	3	20	25	90	
22	Nghe –	NNTA2	Học phần Kỹ năng Nghe – Nói 1	3	20	25	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
	Nói 1	502	cung cấp cho sinh viên những kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng cơ bản và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói) với những chủ điểm trong cuộc sống hàng ngày và môi trường xung quanh, như gia đình, công việc, địa điểm, du lịch, mua sắm, giải trí, thể thao, môi trường, học tập.					
23	Đọc - Viết 2	NNTA2 503	Học phần Kỹ năng Đọc – Viết 2 này cung cấp cho sinh viên những kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng cơ bản và các kỹ năng ngôn ngữ với những chủ điểm trong cuộc sống hàng ngày và môi trường xung quanh	4	20	40	120	
24	Nghe – Nói 2	NNTA2 504	Học phần Kỹ năng Nghe – Nói 2 cung cấp cho sinh viên những kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng ở trình độ trung cấp và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói). Sinh viên có thể trình bày, giải thích, lập luận, nêu quan điểm ở mức độ đơn giản với những chủ điểm tương đối rộng như thể thao, giải trí, giáo dục, kinh tế, văn hoá, học tập, công việc giao tiếp tương đối thành thạo bằng tiếng Anh.	4	20	40	120	
25	Đọc - Viết 3	NNTA2 505	Học phần bao gồm 8 bài được dạy trong 32 tiết, 2 bài ôn tập, 2 bài kiểm tra trên lớp. Sinh viên sẽ có một bài thi tích hợp kỹ	4	16	44	120	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			năng Đọc-Viết cuối học phần. Trong học phần này sinh viên được học cách tìm ra ý chính của đoạn văn, có thể viết các loại văn bản khác nhau như CV, thư mời, quảng cáo, thông báo... từ các chủ đề như: Thể thao, Du lịch, Động vật, Thói quen ăn uống, Chế độ ăn...					
26	Nghe – Nói 3	NNTA2 506	Học phần Kỹ năng Nghe – Nói 3 cung cấp cho sinh viên những kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng trình độ trung cấp và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói) của trình độ trung cấp. Sinh viên có thể trình bày, giải thích, lập luận, nêu quan điểm ở mức độ tương đối trôi chảy với những chủ đề giải trí, thể thao, môi trường, học tập đến những chủ đề tương đối rộng như môi trường, thể thao, giải trí, giáo dục, kinh tế, văn hoá, chủ động trong giao tiếp liên văn hoá.	4	16	44	120	
27	Đọc - Viết 4	NNTA2 507	Học phần bao gồm 8 bài được dạy trong 32 tiết, trong đó có 2 bài ôn tập, 2 bài kiểm tra điểm viết trên lớp. Sinh viên sẽ có 1 bài thi tích hợp kỹ năng Đọc-Viết cuối học phần. Trong học phần này sinh viên được học cách tìm ra ý chính của đoạn văn, có thể viết các loại văn	4	16	44	120	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			bản khác nhau như CV, thư mời, quảng cáo, thông báo... từ các chủ đề như: Thể thao, Du lịch, Động vật, Thói quen ăn uống, Chế độ ăn...					
28	Nghe – Nói 4	NNTA2 508	Học phần Kỹ năng Nghe – Nói 4 (tương đương trình độ B1+ và B2 - theo Khung tham chiếu Châu Âu) dành cho sinh viên đã đạt mức năng lực tiếng Anh bậc 2+. Chương trình cung cấp cho sinh viên những kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng trình độ trung cấp và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói) của trình độ trung cấp. Sinh viên có thể trình bày, giải thích, lập luận, nêu quan điểm ở mức độ tương đối trôi chảy với những chủ điểm giải trí, thể thao, môi trường, học tập đến những chủ đề tương đối rộng như môi trường, thể thao, giải trí, giáo dục, kinh tế, văn hoá, chủ động trong giao tiếp liên văn hoá.	4	16	44	120	
29	Đọc - Viết 5	NNTA2 509	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết), chủ yếu tập trung vào các kỹ năng đọc hiểu và viết các loại bài luận ở trình độ cao cấp với những chủ điểm: mua sắm, sức khỏe, đọc sách và kỹ năng đọc	3	20	25	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			sách, du lịch, học ngoại ngữ, nghiên cứu, công việc, du lịch, giải trí. Học phần giúp sinh viên luyện tập các kỹ năng đọc hiểu như đoán dựa trên tiêu đề, chủ đề, xác định từ khóa để hiểu ý chính, hàm ý, các chi tiết trong các đoạn văn, các báo cáo, các bài báo trên tạp chí ... Bên cạnh việc đọc phân tích học phần giúp sinh viên diễn đạt ý kiến qua các bài luận, phát triển ý tưởng theo cách đưa ý kiến tranh luận, bình luận, so sánh, đối chứng.					
30	Nghe – Nói 5	NNTA2 510	Học phần Kỹ năng Nghe – Nói 5 (tương đương trình độ B2 cao - theo Khung tham chiếu Châu Âu) dành cho sinh viên chuyên ngành tiếng Anh đã đạt mức năng lực tiếng Anh bậc 4 thấp. Chương trình này cung cấp cho sinh viên những kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói) ở trình độ cao cấp.	3	20	25	90	
31	Ngữ pháp tiếng Anh 1	NNTA2 512	Nội dung cơ bản của môn Ngữ pháp 1 gồm: - Câu điều kiện if-sentence; câu mong ước wish-sentence - Câu điều kiện giản lược; câu so sánh as if/ as though - Mệnh đề quan hệ hạn định,	3	15	30	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			không hạn định - Mệnh đề quan hệ gián lược - Thẻ bị động, chủ động - Thúc giả định hiện tại, quá khứ - Sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ vị ngữ - Đảo ngữ - Trực tiếp, gián tiếp - Tính từ và trạng từ - Giới từ					
32	Ngữ pháp tiếng Anh 2	NNTA2 513	Trong phạm vi cho phép về thời gian, môn học sẽ tập trung vào các vấn đề cơ bản bao gồm từ - cụm từ và bổ tố của từ (danh từ, động từ, tính từ, trạng từ, giới từ...), chức năng cú pháp và chức năng ngữ nghĩa của từ, mệnh đề và các thành phần của mệnh đề, các chức năng ngữ nghĩa của mệnh đề, câu đơn, câu phức, câu ghép.	3	21	24	90	
33	Ngữ âm – Âm vị học	NNTA2 511	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về ngữ âm học và âm vị học tiếng anh, bao gồm các nội dung về phụ âm và nguyên âm (consonants/vowels), nguyên âm đôi và nguyên âm ba (diphthongs/triphthongs); âm vị (phonemes); các quy tắc ngữ âm học (phonological rules); âm tiết (syllables); trọng âm, thanh điệu và cao độ (stress/tone, một số	3	20	25	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			quy luật phát âm và phiên âm, các vấn đề trong âm vị, các khía cạnh của lời nói, ngữ điệu và chức năng của ngữ điệu, các bài tập thực hành đi kèm					
34	Lý thuyết dịch	NNTA2 520	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về lý thuyết biên dịch, phiên dịch. Qua đó, tìm hiểu thêm về quá trình, phương pháp và kỹ năng biên dịch, phiên dịch. Sau môn học này, sinh viên biết vận dụng các vấn đề lý thuyết đã học để thực hành dịch một cách hiệu quả.	2	15	15	60	
35	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	NNTA2 519	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế học (English for Economics) là môn học cung cấp cho người học các thuật ngữ tiếng Anh về Kinh tế học. Trong đó, đề cập tới kinh tế học trên bình diện rộng. Kinh tế học có hai bộ phận cấu thành hữu cơ là kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô.	3	14	31	90	
36	Tiếng Anh chuyên ngành Môi trường	NNTA2 516	Ngoài chương mở đầu nhằm giới thiệu một cách khái quát về chương trình, nội dung của môn học, nội dung học phần được cấu trúc thành các đơn vị bài học bao quát những nội dung cơ bản về chuyên ngành môi trường như: khoa học môi trường, tài nguyên năng lượng, ô nhiễm môi trường,	3	11	34	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			tái chế và phát triển bền vững.					
37	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch	NNTA2 517	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về ngành du lịch được lồng vào các tình huống giao tiếp ứng dụng thực tế nhằm phát triển kỹ năng ngôn ngữ và giao tiếp của sinh viên gồm những vấn đề sau: <ul style="list-style-type: none"> - Lịch sử hình thành và phát triển ngành du lịch - Cơ cấu hoạt động của ngành du lịch - Cách thiết kế và tổ chức tour du lịch - Các vấn đề liên quan đến vé, đặt chỗ trước và bảo hiểm - Công tác hướng dẫn du lịch 	3	25	20	90	
38	Đất nước học Anh Mỹ	NNTA2 518	Đây là một môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đất nước, con người và văn hóa đặc trưng của Anh quốc và hợp chủng hoa kỳ. Môn học bao gồm giới thiệu về đất nước, lịch sử phát triển của dân tộc, ngôn ngữ và các giá trị truyền thống, về thể chế chính trị, kinh tế, xã hội, gia đình và đời sống xã hội cộng đồng; về pháp luật, giáo dục, thể thao và lễ hội.....làm cơ sở cho việc học tập và nghiên cứu ngôn ngữ Anh-Mỹ một cách hệ thống và có hiệu	3	25	20	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			qua và nắm vững kiến thức tiếng Anh phục vụ cho công tác chuyên môn.					
39	Từ vựng học Tiếng Anh	NNTA2 514	<p>Từ vựng học là môn học không thể thiếu trong ngôn ngữ học tiếng Anh. Từ vựng học tiếng Anh là một học phần của Ngôn ngữ học tiếng Anh dành cho sinh viên của Bộ môn ngôn ngữ Anh. Môn học giới thiệu về từ vựng học này sẽ đi từ lý thuyết đến thực hành, với mục tiêu chính là giúp sinh viên hiểu được khái niệm về từ vựng, nguồn gốc của nó, hệ thống ngữ nghĩa của từ vựng, sự phát triển của từ vựng và sự tiếp biến từ vựng trong từ điển. Sinh viên cũng hiểu được bản chất của từ và các phương thức cấu tạo từ, thấy được tính đặc biệt của từ, nhất là ranh giới từ trong tiếng Anh, phân tích được nghpa của từ; phân loại được vốn từ tiếng Anh thành các nhóm theo nguồn gốc, theo phạm vi sử dụng ...</p> <p>Thông qua việc nắm bắt những kiến thức này, sinh viên có khả năng áp dụng vào việc phân tích nghpa, từ đó thúc đẩy quá trình học tập và nghiên cứu ngôn ngữ, vào quá trình giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày cũng như</p>	3	18	27	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			trong kinh doanh. Môn học được tiến hành thông qua sự kết hợp các hình thức dạy và học đa dạng như giảng bài, thực hành, thảo luận nhóm, thuyết trình. Ngoài ra, sinh viên cũng được khuyến khích tự học và nghiên cứu thêm ngoài giờ lên lớp.					
40	Văn học Anh - Mỹ	NNTA2 515	Học phần bao gồm 08 bài được dạy trong 45 tiết, trong đó có 6 tiết ôn tập kiến thức và kiểm tra. Trong học phần này sinh viên sẽ được tìm hiểu về lịch sử văn học Anh – Mỹ, các tác giả và tác phẩm tiêu biểu cho từng giai đoạn.	3	24	21	60	
41	Biên dịch	NNTA2 521	Khoá học cung cấp cho sinh viên những điều căn bản nhất của kỹ năng dịch. Học phần này được thiết kế như phần nhập môn về lịch sử, lý thuyết và thực hành dịch thuật từ Việt sang Anh và từ Anh sang Việt, gồm 5 chương lý thuyết và các phần thực hành tương ứng.	3	25	20	90	
42	Phiên dịch	NNTA2 522	Học phần Phiên dịch được thực hiện với mục tiêu giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về phiên dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại. Qua đó sinh viên nắm được cấu trúc câu đặc trưng và vốn từ vựng phong phú của cả hai ngôn ngữ để phiên dịch chính	3	25	20	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			xác nội dung. Các bài học còn được thiết kế nhằm giúp sinh viên hình thành thói quen ghi nhớ, ghi chú nhanh thông tin khi nghe cũng như khả năng phản xạ tốt phục vụ cho công việc.					
43	Thực hành biên dịch chuyên ngành	NNTA2 523	Ngoài chương mở đầu nhằm giới thiệu một cách khái quát về các kỹ thuật và phương pháp dịch, căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành các đơn vị bài học bao quát những nội dung cơ bản về các chuyên ngành chính như: môi trường, biến đổi khí hậu, quản lí đất đai, địa chất, khí tượng thuỷ văn, và trắc địa bản đồ.	3	11	34	90	
44	Thực hành phiên dịch chuyên ngành	NNTA2 524	Ngoài chương mở đầu nhằm giới thiệu một cách khái quát về các kỹ thuật và phương pháp dịch nói, căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành các đơn vị bài học bao gồm các bản tin, bài phát biểu trên truyền hình hay các bài giảng liên quan đến các chuyên ngành như: môi trường, biến đổi khí hậu, quản lí đất đai, địa chất, khí tượng thuỷ văn và trắc địa bản đồ.	3	14	31	90	
II.2.2	Tự chọn			3/18				

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
45	Tiếng Anh thư tín Thương mại	NNTA2 601	<p>Học phần giới thiệu các hệ thống quy chuẩn quốc gia và quy định quốc tế về thể thức trình bày và soạn thảo các loại văn bản thông dụng trong công việc đối ngoại của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp bằng tiếng Anh.</p> <p>Trong quá trình học, sinh viên tìm hiểu và vận dụng các hệ thống này để soạn thảo các loại văn bản phục vụ cho nhiều mục đích giao tiếp trong môi trường làm việc.</p> <p>Sinh viên cũng học và thực hành các kỹ năng viết các loại văn bản khác nhau.</p> <p>Ngoài ra, sinh viên cũng rèn luyện thể hiện những thái độ giao tiếp khác nhau thông qua văn bản để phù hợp với các tình huống giao tiếp trong công việc.</p>	3	26	19	90	
46	Phân tích diễn ngôn	NNTA2 602	<p>Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp phân tích những bài văn và các mẫu đối thoại. Học phần bao gồm 04 bài được dạy trong 45 tiết, trong đó có 5 tiết ôn tập kiến thức và kiểm tra..</p>	3	24	21	90	
47	Ngữ nghĩa học	NNTA2 605	<p>Môn học này trang bị cho sinh viên những kỹ năng ngôn ngữ cơ bản như mối quan hệ giữa từ và ý nghĩa của từ, giữa câu và ý nghĩa của câu. Ngoài ra, còn cung cấp</p>	3	22	23	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			những kiến thức về ngữ nghĩa của ngôn ngữ Anh với các cách sử dụng ngôn ngữ đa dạng.					
48	Ngữ dụng học tiếng Anh	NNTA2 606	Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ dụng học bao gồm các nội dung chính như hàm ngôn, nguyên tắc dụng học, hành động lời nói, tính lịch sự. Những kiến thức này giúp sinh viên hiểu và sử dụng tiếng Anh được phù hợp về mặt ngôn ngữ trong bối cảnh giao tiếp.	3	16	29	90	
49	Giao tiếp liên văn hóa	NNTA2 603	Môn học này nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức liên quan đến những nguyên tắc chi phối việc giao tiếp giữa những người tham gia giao tiếp từ các nền văn hóa khác nhau. Thông qua đó, người học nhận thức được sự khác biệt trong hành vi là do hệ đức tin và giá trị chi phối. Từ đó người học có cái nhìn đúng đắn hơn về hành vi của những người tham gia giao tiếp và đây cũng chính là nền tảng để giúp giao tiếp với những người từ những nền văn hóa khác nhau hiệu quả hơn	3	16	29	90	
50	Giao thoa văn hóa Anh Mỹ	NNTA2 604	Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về đất nước con người, địa lý, lịch sử; bản sắc dân tộc, hệ thống chính trị, tôn giáo, kinh tế, xã hội và giáo dục của hai quốc gia Anh-Mỹ. Kết	3	15	30	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			thức học phần, sinh viên có kỹ năng đọc hiểu, phân tích, nghiên cứu các vấn đề văn hóa, xã hội Anh-Mỹ và so sánh, liên hệ với văn hóa Việt Nam.					
II.3	Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp							
51	Thực tập tốt nghiệp		Học phần này cung cấp cho sinh viên khả năng rèn luyện kỹ năng lao động nghề nghiệp; củng cố, nâng cao kiến thức đã học tại trường, vận dụng kiến thức vào thực tiễn tại cơ sở thực tập; Tăng cường khả năng tiếp cận thực tế cho sinh viên. Quá trình học tập tại trường sinh viên chỉ mới nắm được phần lý luận, lý thuyết chưa có kinh nghiệm thực tế, vì vậy mà khi tiếp cận với thực tiễn sinh viên cần phải chủ động tư duy giữa lý thuyết và thực tế. Trên cơ sở đó nâng cao kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra.	6				
52	Khóa luận tốt nghiệp		Khóa luận tốt nghiệp là 1 đề tài chuyên khảo tổng hợp của sinh viên sau khi kết thúc toàn bộ chương trình đào tạo ở bậc đại học để bảo vệ lấy văn bằng cử nhân. Khóa luận tốt nghiệp nhằm các mục đích cơ bản như rèn luyện phương pháp và kỹ năng nghiên	6				

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			<p>cứu khoa học cho sinh viên; tổng hợp và thể nghiệm kết quả của một giai đoạn hoặc một quá trình học tập; kiểm tra, đánh giá kết quả dạy và học. Nội dung của khóa luận tốt nghiệp đề cập đến các vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo chính, nghĩa là đề tài được chọn để viết khóa luận tốt nghiệp cần phải phù hợp với chuyên ngành đào tạo Ngôn ngữ Anh mà sinh viên đã học.</p> <p>Học phần này giúp sinh viên hệ thống hoá và củng cố những kiến thức cơ bản về kiến thức chuyên môn ngành ngôn ngữ Anh đã được trang bị, vận dụng vào thực tế để đưa ra được giải pháp, kiến nghị phù hợp; Rèn luyện kỹ năng, kiến thức nghề nghiệp, hình thành các phẩm chất trí tuệ, phương pháp tiếp cận, giải quyết một vấn đề thực tế về ngôn ngữ Anh. Tạo cho sinh viên có cơ hội phát hiện những kiến thức và kỹ năng còn thiếu để có kế hoạch bổ sung hoàn thiện; Nâng cao ý thức tự giác trong công việc, tôn trọng pháp luật, ý thức về tầm quan trọng của ngôn ngữ Anh trong công việc.</p> <p>Trên cơ sở đề cương khóa luận tốt nghiệp, sinh viên viết báo cáo</p>					

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ theo học kỳ									
				1	2	3	4	5	6	7	8		
	vấn tiếng Anh												
11	Kỹ năng tư duy phản biện	NNTA2203	2	2									
	<i>Ngoại ngữ</i>		9										
12	Tiếng Pháp 1	NNTP 2101	3	3									
13	Tiếng Pháp 2	NNTP 2102	3		3								
14	Tiếng Pháp 3	NNTP 2103	3			3							
	<i>Khoa học tự nhiên – Tin học</i>		2										
15	Tin học đại cương	CTKH2151	2	2									
	<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>		10										
16	Tiếng Việt thực hành	NNTA2301	3	3									
17	Dẫn luận ngôn ngữ	NNTA2302	2					2					
18	Ngôn ngữ học đối chiếu	NNTA2303	3				3						
19	Cơ sở văn hóa Việt Nam	LCML2208	2		2								
20	Văn hóa các nước ASEAN	NNTA2401	2		2								
	<i>Kiến thức ngành</i>		80										
21	Đọc – Viết 1	NNTA2501	3	3									
22	Nghe – Nói 1	NNTA2502	3	3									
23	Đọc – Viết 2	NNTA2503	4		4								
24	Nghe – Nói 2	NNTA2504	4		4								
25	Đọc – Viết 3	NNTA2505	4			4							
26	Nghe – Nói 3	NNTA2506	4			4							
27	Đọc – Viết 4	NNTA2507	4				4						
28	Nghe – Nói 4	NNTA2508	4				4						
29	Đọc – Viết 5	NNTA2509	3					3					
30	Nghe – Nói 5	NNTA2510	3					3					
31	Ngữ pháp tiếng Anh 1	NNTA2512	3		3								
32	Ngữ pháp tiếng Anh 2	NNTA2513	3							3			
33	Ngữ âm – Âm vị học	NNTA2511	3							3			

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ theo học kỳ								
				1	2	3	4	5	6	7	8	
34	Lý thuyết dịch	NNTA2522	2					2				
35	Từ vựng học	NNTA2602	3								3	
36	Tiếng Anh kinh tế	NNTA2520	3							3		
37	Tiếng Anh Môi trường	NNTA2516	3								3	
38	Tiếng Anh Du lịch	NNTA2517	3								3	
39	Đất nước học Anh Mỹ	NNTA2518	3					3				
40	Văn học Anh - Mỹ	NNTA2515	3							3		
41	Thực hành biên dịch	NNTA2523	3					3				
42	Thực hành phiên dịch	NNTA2524	3					3				
43	Thực hành biên dịch chuyên ngành	NNTA2525	3								3	
44	Thực hành phiên dịch chuyên ngành	NNTA2526	3								3	
45	Tiếng Anh thư tín thương	NNTA2601	3							3		
46	Ngữ nghĩa học	NNTA2605	3							3		
47	Ngữ dụng học tiếng Anh	NNTA2606	3							3		
48	Phân tích diễn ngôn	NNTA2602	3							3		
49	Giao tiếp liên văn hóa	NNTA2603	3							3		
50	Giao thoa văn hóa Anh Mỹ	NNTA2604	3							3		
	Thực tập tốt nghiệp và đồ án tốt nghiệp		12									
51	Thực tập tốt nghiệp		6									6
52	Khóa luận tốt nghiệp		6									6
	<i>Các môn thi thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>											
53	Phiên dịch + Biên dịch		3									3
54	Ngữ Pháp + Ngữ Âm		3									3
Tổng số tín chỉ phải tích lũy (**)			133	19	18	17	16	19	17	15	12	

Ghi chú: (**) Không kể GDTC và GDQP-AN

VIII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết hoặc 15 tiết thực hành, thảo luận (đối với các học phần đặc thù của ngành ngôn ngữ) hoặc 30 tiết thực hành (đối với các học phần khác); 50÷80 giờ thực tập; tiểu luận, bài tập lớn hoặc đề án, khoá luận tốt nghiệp;
- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển đổi sang thang điểm chữ theo quy định;
- Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ. Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác có lớp (nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ);
- Khối lượng học tập mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ (Trừ học kỳ cuối khóa) là không dưới 14TC đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường và 10÷14TC đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của học phần và trình tự học tập của chương trình.